

Bản án số: 170/2021/HS-ST

Ngày: 06 – 12 – 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Kính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 và 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2021/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc V, sinh năm: 1983, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 262 Đường NTH, Phường V, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị I; có vợ và 02 con (sinh năm 2008 và 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công ty TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI SỬA CHỮA Ô TÔ A1; địa chỉ trụ sở: A12B/6A, Ấp 1B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2/ Công ty TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI A2; địa chỉ trụ sở: Số 233/57/2 đường Tân Thới Hiệp 07, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3/ Công ty TNHH A3; địa chỉ trụ sở: Số 482/5 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4/ Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI A4; địa chỉ trụ sở: Số 13 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

5/ Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN A5; địa chỉ trụ sở: A7Bis Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

6/ Công ty TNHH A6; địa chỉ trụ sở: Khu số 4, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

7/ Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7, địa chỉ trụ sở: Số 240/21A Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

8/ Công ty TNHH TM-DV Sản xuất A8, địa chỉ trụ sở: Số 41/76/37A, Ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

9/ Công ty TNHH A9, địa chỉ trụ sở: Số 81/42 đường Tân Chánh Hiệp 36, tổ 21B, KP6, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

10/ Công ty TNHH TM-DV A10, địa chỉ trụ sở: Số 769/2/29 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

11/ Công ty TNHH TM-DV sản xuất A11, địa chỉ trụ sở: Số 254/98/43A Âu Cơ, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

12/ Bà Nguyễn Đỗ Vân Q, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Ấp Hưng Long, xã Hương Thịnh, huyện Trảng Bơm, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

13/ Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm: 1977; nơi cư trú: (HKTT: Thôn Cang Tây, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Số 505 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

14/ Bà Phan Thị Thu L, sinh năm: 1988; nơi cư trú: (HKTT: Số 38/2, tổ 5, KP1, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 91 Đường 41, tổ 44, KP3, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

15/ Anh Lê T, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Số 22/69 Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 17/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 phối hợp cùng Công an Phường 2, Quận 8 tiến hành mời Nguyễn Ngọc V về trụ sở Đội Cảnh sát Điều tra Tội phạm về Kinh tế Chức vụ để làm việc, do nghi ngờ có dấu hiệu hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT), xảy ra tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư A7 (viết tắt là Công ty A7), địa chỉ trụ sở: Số 240/21A đường Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8. Tại trụ sở cơ quan Công an, Nguyễn Ngọc V giao nộp 01 dấu tròn của Công ty A7, 06 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT), từ số 0000001 đến số 0000300. Trong đó, quyển số 01 đã sử dụng 27 tờ (gồm: 25 tờ hóa đơn xuất bán cho 06 công ty, 02 tờ hóa đơn viết sai), 04 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty A7 (gồm: 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp năm 2018, 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 năm 2018, 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 2 năm 2020 và 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 3

năm 2020); 03 bản chính giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (gồm: 01 bản chính đề ngày 18/9/2018, 01 bản chính đề ngày 08/01/2020 và 01 bản chính đề ngày 08/07/2020); 01 bản chính giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số VINA-CA; 01 quyền báo cáo tài chính của Công ty A7 năm 2018; 02 hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty A7 (gồm: 01 hợp đồng chuyển nhượng giữa Phan Thị Thu L và Nguyễn Nhật H ngày 16/9/2018 và 01 hợp đồng chuyển nhượng giữa Nguyễn Nhật H và Nguyễn Đỗ Vân Q ngày 05/9/2020); 01 giấy chứng nhận góp vốn của Nguyễn Nhật H và 01 giấy chứng nhận góp vốn của Nguyễn Đỗ Vân Q; 01 phiếu thu tiền góp vốn của Nguyễn Đỗ Vân Q, 01 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/7/2020, 02 tờ khai thuế GTGT, bản kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra quý I và quý II/2020 (bản in, không có chữ ký) của Công ty A7, 01 tờ khai thuế thu nhập cá nhân của Nguyễn Nhật H, 01 quyển séc do Ngân hàng Sacombank cấp từ số DC 740051 đến số DC 740060, đã sử dụng 07 tờ, còn tờ số DC 740051, DC 740054, DC 740060 chưa sử dụng; 01 tờ séc do Ngân hàng Sacombank cấp số DC 740047, chưa sử dụng; 01 hợp đồng mở tài khoản ngân hàng và sử dụng séc của Ngân hàng Techcombank và 02 quyển séc của Ngân hàng Techcombank từ số SA02656061 đến số SA02656080 chưa sử dụng; 01 CPU máy tính, 01 USB (tất cả có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V); 01 bản sao chứng minh nhân dân (viết tắt CMND) số 079188004407 mang tên Phạm Thị Thu L; 01 bản sao CMND số 205004115 mang tên Nguyễn Nhật H; 01 bản chính CMND số 271473548 mang tên Nguyễn Đỗ Vân Q; 01 bản chính CMND số 321557141 mang tên Lê T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc V khai nhận: Từ tháng 9/2018 thông qua mối quan hệ xã hội, V mua lại pháp nhân của Công ty A7 mã số doanh nghiệp: 00315153391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 09/7/2018; trụ sở: số 6 Lê Văn Thiêm, phường Tân Phong, Quận 7; chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Phan Thị Thu L - Chức danh: Giám đốc, sinh ngày 18/11/1988, nơi cư trú: 38/2 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, V dùng chứng minh nhân dân và giả chữ ký của Nguyễn Nhật H, Nguyễn Đỗ Vân Q để làm hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp (Công ty A7) và đăng ký mở tài khoản ngân hàng. V là người trực tiếp điều hành các hoạt động của Công ty A7. Tất cả các tài liệu, hóa đơn, chứng từ, con dấu của Công ty A7 do V trực tiếp quản lý, sử dụng và thực hiện các hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT mà không có hàng hóa kèm theo cho các công ty có nhu cầu hợp thức hóa đơn hàng hóa đầu vào. V đã bán tổng cộng 25 tờ hóa đơn GTGT cho 06 công ty với tổng doanh số ghi không trên hóa đơn chưa thuế là 12.995.427.910 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 1.299.542.729 đồng, với giá 2% doanh thu chưa thuế. Quá trình bán 25 tờ hóa đơn cho 06 công ty, V lấy địa chỉ nhà số 240/21A đường Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8 để con dấu, tài liệu và các giấy tờ liên quan. V soạn O hợp đồng kinh tế và các tài liệu liên quan, sau đó V ký tên giám đốc và đóng dấu chức danh của giám đốc với tên Nguyễn Nhật H trên hóa đơn, hợp đồng và các tài liệu liên quan rồi gửi cho người mua. Quá trình giao dịch V giao cho nhân viên của Công ty Kiều V (do V làm giám đốc) gồm: Trần Thị Anh L1, Phạm Thị Mỹ N1, Nguyễn Thị Kim C1, Vy Thị Thanh H1, Phạm Thị C2, Nguyễn Khắc T2, Phan Ngọc P1 viết hóa đơn, séc và rút tiền. V hợp thức hóa việc bán trái phép hóa đơn của Công ty A7 bằng cách chuyển tiền qua tài khoản số 060185910728 mở tại ngân hàng Sacombank, phòng giao dịch Bà Chiểu. Ngoài ra, V giao cho Vương Như T3 và Nguyễn Thành D1 đi giao hóa đơn, chứng từ cho các công

ty mua hóa đơn không của V. Ngoài ra, V còn giao cho Nguyễn Thành D1 thực hiện thủ tục mở tài khoản ngân hàng của Công ty A7.

Về việc sử dụng số tiền thu lợi bất chính, qua quá trình xác minh xác định V đã nộp thuế GTGT và lệ phí môn bài của Công ty A7, số tiền thực tế V thu lợi bất chính sau nộp thuế là 199.397.000 đồng. Lời khai của V phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Xác minh tại 06 công ty liên quan đến việc Công ty A7 xuất hóa đơn GTGT, Cơ quan điều tra thu giữ được liên 2 của các hóa đơn mua bán. Cụ thể: Công ty TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI SỬA CHỮA Ô TÔ A1 (MST: 0315104348, địa chỉ: A12B/6A ấp 1B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh) đã mua để sử dụng 03 tờ hóa đơn của Công ty A7. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A2 (MST: 0312727665, địa chỉ: Số 233/57/2 đường Tân Thới Hiệp 07, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh) đã mua để sử dụng 01 tờ hóa đơn của Công ty A7. Công ty TNHH A3 (MST: 0315124390, địa chỉ: Số 482/5 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh) đã mua để sử dụng 02 tờ hóa đơn của Công ty A7. Công ty TNHH MTV Vận tải A4 (MST: 0310227071, địa chỉ: Số 13 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh) đã mua để sử dụng 02 tờ hóa đơn của Công ty A7. Công ty TNHH A5 (MST: 0310942586, địa chỉ: A7Bis Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh) đã mua để sử dụng 01 tờ hóa đơn của Công ty A7. Các Công ty nêu trên chưa kê khai thuế tại Chi cục Thuế có thẩm quyền đối với các hóa đơn GTGT mua của Công ty A7. Đối với Công ty TNHH A6 (gọi tắt là Công ty A6), MST: 3702420498, địa chỉ: khu số 4, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương có liên quan 16 tờ hóa đơn GTGT của Công ty A7 xuất bán hàng hóa. Quá trình điều tra thể hiện Công ty A6 có mua hàng hóa thật để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và được xuất hóa đơn GTGT từ Công ty A7. Công ty A6 không biết và không có trao đổi việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT với Công ty A7 cũng như với Nguyễn Ngọc V. Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã chuyển hồ sơ và tài liệu liên quan đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế tỉnh Bình Dương để xem xét xử lý theo thẩm quyền đối với 06 công ty nêu trên.

Căn cứ bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào quý I và quý II năm 2020 do Nguyễn Ngọc V giao nộp thì Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 kê khai hóa đơn đầu vào của 04 công ty: 1/Công ty TNHH TM-DV Sản xuất A8, MST: 0314339837, địa chỉ: Số 41/76/37A, ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh. 2/Công ty TNHH A9, MST: 0311844302, địa chỉ: Số 81/42 đường Tân Chánh Hiệp 36, tổ 21B, khu phố 6, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh. 3/Công ty TNHH TM-DV A10, MST: 0314484506, địa chỉ: Số 769/2/29 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. 4/Công ty TNHH TM-DV sản xuất A11, địa chỉ trụ sở: Số 254/98/43A Âu Cơ, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra xác định, V lên mạng xã hội tìm kiếm và lấy ngẫu nhiên tên và địa chỉ của các công ty nêu trên và V tự lấy số hóa đơn đưa vào báo cáo thuế nhằm hợp thức hóa các hóa đơn đầu vào và khấu trừ thuế. Qua xác minh các Công ty nêu trên chưa phát sinh mua bán hàng hóa.

Ngày 18/7/2020, Nguyễn Ngọc V đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 199.397.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 CPU máy tính có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V; 01 USB có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V; 01 con dấu của Công ty A7; 06 quyển hóa đơn GTGT, quyển số 01 đến 06, từ số 0000001 đến số 0000300. Trong đó, quyển số 01 đã sử dụng 27 tờ gồm: 02 tờ hóa đơn viết sai, 25 hóa đơn xuất bán cho 06 công ty; 01 quyển séc do Ngân hàng Sacombank cấp từ số DC 740051 đến số DC 740060 đã sử dụng 07 tờ và 03 tờ séc chưa sử dụng, gồm tờ séc số DC 740051, DC 740054, DC 740060; 01 tờ séc do Ngân hàng Sacombank cấp số DC 740047 chưa sử dụng; 02 quyển séc do Ngân hàng Techcombank cấp từ số SA02656061 đến số SA02656080 chưa sử dụng;

- 01 bản chính CMND số 271473548 mang tên Nguyễn Đỗ Văn Q và 01 bản chính CMND số 321557141 mang tên Lê T là do V nhật được và sử dụng để thay đổi thông tin liên quan đến hồ sơ pháp lý của Công ty A7. Riêng 01 bản sao CMND mang tên Nguyễn Nhật H là do nhân viên của V sao y dư ra khi V nhận thực hiện thủ tục đăng ký thành lập công ty cho một khách hàng (V không nhớ rõ), sau đó V đã sử dụng bản sao CMND mang tên Nguyễn Nhật H để đăng ký thay đổi thông tin pháp nhân của Công ty A7.

- Số tiền 199.397.000 đồng: Ngày 07/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 8 quản lý.

- Riêng số tiền 1.475.063.099 đồng có trong tài khoản của Công ty A7 là số tiền phát sinh trong giao dịch dân sự, không liên vụ án; nên ngày 13/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Ngọc V.

Về nguồn nguyên liệu giấy phế liệu mà Công ty A6 Bình Dương PaPer đã mua của Công ty A7:

- Nguyễn Ngọc V khai nhận như sau: Khoảng tháng 01/2020, trong lần đi uống cà phê ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (V không nhớ tên và địa chỉ quán cà phê); V tình cờ gặp và quen biết với một người đàn ông tên Nam (không rõ lai lịch, địa chỉ). Qua trao đổi, Nam cho V biết có bán giấy phế liệu, nhưng không có hóa đơn chứng từ. Nam cho V số điện thoại của Nam để liên lạc khi cần (hiện tại V đã bị mất điện thoại). Sau đó, V trao đổi với Trần Thị Thanh R1 là V có nguồn giấy phế liệu cần bán, nhưng không cho Trâm biết là giấy phế liệu không có hóa đơn, chứng từ và nhờ Trâm giới thiệu người mua, V sẽ cho Trâm tiền hoa hồng thì được Trâm cho biết Công ty TNHH A6 có mua giấy phế liệu, nhưng phải có hóa đơn giá trị gia tăng. Sau đó, V đã thông báo cho Nam biết về việc Công ty TNHH A6 có thu mua giấy phế liệu và yêu cầu phải có hóa đơn giá trị gia tăng thì Nam đồng ý bán và nói V tìm mua hóa đơn giá trị gia tăng không để hợp thức hóa việc bán hàng cho Công ty TNHH A6 thì Nam sẽ trả cho V 50 đồng/kg giấy phế liệu xuất bán. V đồng ý và báo cho Nam biết có Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 bán hóa đơn giá trị gia tăng không. Sau đó, V đã cung cấp thông tin của Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 cho Trâm để nhờ Trâm giới thiệu bán giấy phế liệu cho Công ty TNHH A6. Trâm đồng ý và trực tiếp đứng ra liên hệ giao dịch bán giấy phế liệu giúp V. Sau đó, Trâm đưa V hợp đồng đặt hàng do Công ty TNHH A6 soạn sẵn, V đã giả chữ ký của Nguyễn Nhật H ký vào hợp đồng, đóng dấu của Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 và gửi lại cho Trâm để gửi Công ty TNHH A6. Sau đó, Trâm gửi lại cho V 02 bản hợp đồng sau khi Công ty TNHH A6 đã ký và đóng dấu. Sau khi ký hợp đồng, V đã

thông báo cho Nam biết và gửi 02 hợp đồng cho Nam, trong hợp đồng chỉ thể hiện quy cách hàng hóa và địa chỉ giao hàng. Trước khi giao hàng một ngày thì Nam thông báo cho V, V thông báo cho Trâm để Trâm báo cho Công ty TNHH A6 và Nam sẽ cho người giao giấy phế liệu đến kho của Công ty TNHH A6 (việc giao hàng cụ thể như thế nào, ai là người giao nhận thì V hoàn toàn không biết). Hàng tuần thì Trâm đối chiếu số lượng hàng đã giao cho Công ty TNHH A6 và thông báo cho V, V báo cho Nam để kiểm tra đối chiếu. Sau đó, V nhờ nhân viên Công ty Kế toán Kiều V viết hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 xuất bán cho Công ty TNHH A6 để hợp thức hóa lượng hàng hóa giấy phế liệu đã giao. Sau khi viết hóa đơn, V giả chữ ký Nguyễn Nhật H và đóng dấu Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 rồi đưa cho Nam để gửi cho Công ty TNHH A6. Khi đưa hóa đơn, V ứng tiền mặt trả cho Nam trước và trừ đi 50 đồng/kg giấy như đã thỏa thuận với Nam về việc bán hóa đơn giá trị gia tăng không. Sau đó, Công ty TNHH A6 sẽ thanh toán tiền hàng bằng cách chuyển khoản vào tài khoản Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7, V nhờ nhân viên Công ty Kế toán Kiều V dùng séc rút tiền và đưa lại cho V. Tổng lượng hàng giấy phế liệu đã xuất bán cho Công ty TNHH A6 là 2.896.959kg, V được hưởng lợi khoảng 144.847.000 đồng từ việc xuất hóa đơn không cho Công ty TNHH A6 và V đã cho Trâm 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

- Trần Thị Thanh R1 khai nhận như sau: Vào khoảng tháng 02/2020, Nguyễn Ngọc V cho Trâm biết là có nguồn hàng giấy phế liệu, nhờ Trâm giới thiệu người mua và hứa sẽ cho Trâm tiền hoa hồng thì Trâm đồng ý và đã trực tiếp liên lạc với Mã Trần Đ1 (là nhân viên thu mua của Công ty TNHH A6) để giúp V bán hàng giấy phế liệu. Đạt yêu cầu hàng hóa phải có hóa đơn chứng từ và Trâm đã báo lại cho V biết. Sau đó, V đã cung cấp cho Trâm thông tin Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 thông tin nhà thầu và gửi cho Đạt. Sau đó, Đạt gửi cho Trâm hợp đồng đặt hàng của Công ty TNHH A6 soạn sẵn và Trâm gửi lại cho V để đưa Giám đốc Công ty TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ A7 ký tên, đóng dấu và gửi cho Công ty TNHH A6. Sau khi Công ty TNHH A6 ký tên, đóng dấu xong hợp đồng thì gửi lại cho Trâm hai bản hợp đồng và Trâm đã gửi lại cho V. Trước khi giao hàng hóa một ngày thì V điện thoại báo Trâm và Trâm gọi báo cho Đạt biết. Hàng tuần nhân viên Công ty TNHH A6 thông báo số lượng hàng hóa đã giao cho Trâm, Trâm báo lại với V để kiểm tra đối chiếu. Việc giao hàng, thanh toán tiền hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như thế nào thì do V thực hiện với Công ty Công ty TNHH A6, nên Trâm hoàn toàn không biết rõ. Nguồn hàng giấy phế liệu V mua từ đâu thì Trâm không được rõ. Trâm chỉ đứng ra làm trung gian giới thiệu V bán giấy phế liệu và hưởng hoa hồng. Trâm được V cho 5.000.000 đồng tiền hoa hồng giới thiệu bán giấy và tiêu xài cá nhân hết, Trâm không biết và không liên quan đến việc V xuất hóa đơn GTGT không của Công ty A7 cho Công ty Công ty TNHH A6.

Đối với của Trần Thị Anh L1, Phạm Thị Mỹ N1, Nguyễn Thị Kim C1, Vy Thị Thanh H1, Phạm Thị C2, Nguyễn Khắc T2, Phan Ngọc P1, Vương Như T3, Nguyễn Thành D1, Trần Thị Thanh R1, Mã Trần Đ1, Nguyễn Nhật H, Nguyễn Đỗ Văn Q, và Lê T; quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý.

Đối với Phan Thị Thu L, hiện không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

Đối với Trần Tâm Phương O (nhân viên công ty Kiều V, đang thực hiện dịch vụ báo cáo thuế cho Công ty TNHH A5) đã giúp cho Công ty TNHH A5 mua không 01 hóa đơn GTGT của V bán với danh nghĩa là Công ty A7 để Công ty TNHH A5 báo cáo đủ số lượng đầu vào để giảm số tiền thuế phải nộp (Công ty TNHH A5 phải trả cho V 2% trên tổng tiền hàng hóa, dịch vụ trước thuế). Do chỉ có 01 tờ Hóa đơn GTGT và O không có hưởng lợi trong vụ việc trên; nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của O.

Bản cáo trạng số 127/CT-VKS ngày 03/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 203; điểm b, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo:

Nguyễn Ngọc V mức án từ 01 năm tù đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách từ 02 năm đến 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đồng thời, đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 CPU máy tính có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V; số tiền 199.397.000 đồng.

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 USB có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V; 01 con dấu của Công ty TNHH TM DV ĐT Thu Loan; 06 quyền hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/003, ký hiệu TL/20P, quyển số 01 đến 06, từ số 0000001 đến số 0000300. Trong đó, quyển số 01 đã sử dụng từ số 0000001 đến số 0000037, gồm: 02 tờ hóa đơn viết sai, 10 tờ bỏ trống và 25 hóa đơn xuất bán cho 06 công ty (gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037) đã tách liên hồng ra và lưu vào hồ sơ vụ án; 01 quyển séc do Ngân hàng Sacombank cấp từ số DC 740051 đến số DC 740060, đã sử dụng 07 tờ, còn tờ số DC 740051, DC 740054, DC 740060 chưa sử dụng; 01 tờ séc do Ngân hàng Sacombank cấp số DC 740047, chưa sử dụng; 02 quyển séc do Ngân hàng Techcombank cấp từ số SA02656061 đến số SA02656080, chưa sử dụng; bản chính giấy chứng minh nhân dân số 271473548 mang tên Nguyễn Đỗ Văn Q, sinh ngày: 01/11/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hưng Long, Hưng Thịnh, Trảng Bom, Đồng Nai, cấp ngày 27/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai và bản chính giấy chứng minh nhân dân số 321557141 mang tên Lê T, sinh ngày: 28/12/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 22/69 Long Thới, Chợ Lách, Bến Tre, cấp ngày 10/02/2012, nơi cấp: Công an Bến Tre.

- + Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 25 hóa đơn xuất bán trái phép cho 06 công ty (đã được tách liên hồng ra) cùng các tài liệu liên quan, gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029,

0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037) và các tài liệu liên quan đến Công ty A7 hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc V đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt: Quá trình điều tra đã chứng minh được trong thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền là 199.397.000 đồng (số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp lại trong giai đoạn điều tra). Nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, bị cáo phải xét xử theo quy định tại tình tiết này.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong việc quy định về chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước và ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế trên lĩnh vực thuế, tài chính; do đó cần xét xử nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và công tác phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và thật sự tỏ ra ăn năn, hối cải về lỗi lầm đã gây ra; sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nhằm khắc phục hậu quả của vụ án và giao nộp toàn bộ các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội cho Cơ quan điều tra; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo phạm tội lần đầu; có quá trình nhân thân rất tốt; bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đặc biệt đã tích cực tham gia, đóng góp đối với công tác phòng chống dịch Covid-19 tại địa phương nơi cư trú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Xét bị cáo Nguyễn Ngọc V có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài lần phạm tội này, các bị cáo có nhân thân tốt, không vi phạm pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng; tại phiên tòa bị cáo thể hiện thật sự ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; quyết tâm sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân sống có ích cho xã hội, lao động hợp pháp để có thu nhập; bị cáo trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú, không vi phạm pháp luật; nên không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù vì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, thì bị cáo Nguyễn Ngọc V đủ điều kiện để được hưởng án treo; nên cho bị cáo hưởng án treo và có ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; cũng đã có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Xét thấy bị cáo phạm tội nhằm hưởng lợi, nên cần phạt bổ sung đối với bị cáo một số tiền nhất định, để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về vật chứng liên quan:

+ Đối với các chiếc điện thoại di động mà bị cáo V và đối tượng tên Nam dùng liên lạc với nhau, liên quan đến việc mua bán giấy và mua bán trái phép hóa đơn GTGT; Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không có cơ sở xem xét xử lý;

+ 01 (một) CPU máy tính có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V: Là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng; nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+ Số tiền 199.397.000 đồng: Là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+ 01 (một) con dấu của Công ty TNHH TM DV ĐT Thu Loan; 06 (sáu) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/003, ký hiệu TL/20P, quyển số 01 (một) đến 06 (sáu), từ số 0000001 đến số 0000300. Trong đó, quyển số 01 (một) đã sử dụng từ số 0000001 đến số 0000037, gồm: 02 (hai) tờ hóa đơn viết sai, 10 (mười) tờ bỏ trống và 25 (hai mươi lăm) hóa đơn xuất bán cho 06 (sáu) công ty (gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031,

0000032, 0000036, 0000037) đã được tách liên hồng ra và lưu theo hồ sơ vụ án; 01 (một) quyền séc do Ngân hàng Sacombank cấp từ số DC 740051 đến số DC 740060, đã sử dụng 07 (bảy) tờ, còn tờ số DC 740051, DC 740054, DC 740060 chưa sử dụng; 01 (một) tờ séc do Ngân hàng Sacombank cấp số DC 740047, chưa sử dụng; 02 (hai) quyền séc do Ngân hàng Techcombank cấp từ số SA02656061 đến số SA02656080, chưa sử dụng; Có liên quan đến vụ án và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) USB có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V: Là tài sản cá nhân của bị cáo V, không có liên quan đến vụ án, bị cáo V không có yêu cầu nhận lại và hiện không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy;

+ Bản chính giấy chứng minh nhân dân số 271473548 mang tên Nguyễn Đỗ Văn Q, sinh ngày: 01/11/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hưng Long, Hưng Thịnh, Trảng Bom, Đồng Nai, cấp ngày 27/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai và bản chính giấy chứng minh nhân dân số 321557141 mang tên Lê T, sinh ngày: 28/12/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 22/69 Long Thới, Chợ Lách, Bến Tre, cấp ngày 10/02/2012, nơi cấp: Công an Bến Tre: Đây là giấy tờ tùy thân cá nhân của Bà Nguyễn Đỗ Văn Q và của anh Lê T (đã bị rơi mất trước đây), hiện không còn giá trị sử dụng (vì đương sự đã được cấp mới); nên tịch thu tiêu hủy;

+ 25 (hai mươi lăm) hóa đơn xuất bán trái phép cho 06 (sáu) công ty (đã được tách liên hồng ra) cùng các tài liệu liên quan, gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037) và các tài liệu liên quan đến Công ty A7 hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án; nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Đối với 04 (bốn) công ty gồm: 1/Công ty TNHH TM-DV Sản xuất A8, 2/Công ty TNHH A9, 3/Công ty TNHH TM-DV A10, 4/Công ty TNHH TM-DV Sản xuất Thiên Khang Hưng; do không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[10] Đối với 05 (năm) công ty đã mua trái phép hóa đơn GTGT của Công ty A7 do Nguyễn Ngọc V thực hiện giao dịch (gồm: 1/Công ty TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI SỬA CHỮA Ô TÔ A1. 2/Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A2. 3/Công ty TNHH A3. 4/Công ty TNHH MTV Vận tải A4. 5/Công ty TNHH A5), Cơ quan điều tra có văn bản và chuyển tài liệu có liên quan đến cơ quan Thuế có thẩm quyền để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với Công ty TNHH A6: Quá trình điều tra xác định giữa Công ty TNHH A6 và Công ty A7 có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là nguyên liệu giấy. Việc mua bán có lập hợp đồng và xuất hóa đơn GTGT theo quy định của pháp luật, gồm các tờ hóa đơn: 0000007, 0000009, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037). Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Ngọc V đã lấy tư cách pháp nhân của Công ty A7 (nhưng Công ty A7 hoạt động không hợp pháp) để thực hiện giao dịch mua bán và xuất hóa đơn GTGT trái phép cho Công ty TNHH A6; nhưng Công ty TNHH A6 không biết, không liên quan và không có trao đổi bất cứ thông tin gì với người của Công ty A7, với Nguyễn Ngọc V và với bất kỳ cá nhân nào liên quan vụ việc nêu trên. Vì vậy, giao dịch dân sự mua bán hàng hóa của Công ty TNHH A6 trong vụ án này là giao dịch dân sự hợp pháp và ngay tình. Do đó, Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an Quận 8 không đưa Công ty TNHH A6 vào diện xem xét xử lý và có văn bản gửi Cục Thuế tỉnh Bình Dương để xem xét xử lý liên quan đến 16 tờ hóa đơn GTGT do Công ty A7 xuất bán). Đồng thời, Công ty TNHH A6 trong quá trình thực hiện báo cáo tài chính và báo cáo thuế, cũng như những quyền lợi được ưu đãi từ chính sách thuế theo quy định của pháp luật mà có liên quan đến 16 (mười sáu) tờ hóa đơn GTGT do Công ty A7 xuất bán trái phép; nếu có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu (do không thực hiện được việc báo cáo và không thanh quyết toán được 16 tờ hóa đơn GTGT nêu trên) thì Công ty TNHH A6 có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện về dân sự (nói chung) theo trình tự tố tụng dân sự tại Tòa án có thẩm quyền. Qua đó, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH A6 theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với Trần Thị Anh L1, Phạm Thị Mỹ N1, Nguyễn Thị Kim C1, Vy Thị Thanh H1, Phạm Thị C2, Nguyễn Khắc T2, Phan Ngọc P1, Vương Như T3, Nguyễn Thành D1, Trần Thị Thanh R1, Mã Trần Đ1, Nguyễn Nhật H, Nguyễn Đỗ Văn Q, và Lê T; quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với Trần Tâm Phương O, do chỉ có liên quan đến việc mua bán 01 tờ hóa đơn GTGT và O không có hưởng lợi trong vụ việc trên; nên Cơ quan điều tra không đưa vào diện xem xét xử lý.

[14] Đối với người thanh niên tên Nam (đã bán giấy cho Nguyễn Ngọc V), do không xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 203, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính kể từ ngày tuyên án 06/12/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc V cho Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Ngọc V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên; thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án 25 (hai mươi lăm) hóa đơn GTGT xuất bán trái phép cho 06 (sáu) công ty (đã được tách liên hồng ra) cùng các tài liệu liên quan, gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037) và các tài liệu liên quan đến Công ty A7 hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) CPU máy tính có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V cùng số tiền 199.397.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dấu của Công ty TNHH TM DV ĐT Thu Loan; 06 (sáu) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/003, ký hiệu TL/20P, quyển số 01 (một) đến 06 (sáu), từ số 0000001 đến số 0000300. Trong đó, quyển số 01 (một) đã sử dụng từ số 0000001 đến số 0000037, gồm: 02 (hai) tờ hóa đơn viết sai, 10 (mười) tờ bỏ trống và 25 (hai mươi lăm) hóa đơn xuất bán cho 06 (sáu) công ty (gồm các số: 0000001, 0000002, 0000003, 0000004, 0000005, 0000006, 0000007, 0000008, 0000009, 0000010, 0000011, 0000014, 0000017, 0000019, 0000022, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000036, 0000037) đã được tách liên hồng ra và lưu theo hồ sơ vụ án; 01 (một) quyển séc do Ngân hàng Sacombank cấp từ số DC 740051 đến số DC 740060, đã sử dụng 07 (bảy) tờ, còn tờ số DC 740051, DC 740054, DC 740060 chưa sử dụng; 01 (một) tờ séc do Ngân hàng Sacombank cấp số DC 740047, chưa sử dụng; 02 (hai) quyển séc do Ngân hàng Techcombank cấp từ số SA02656061 đến số SA02656080, chưa sử dụng; 01 (một) USB có niêm phong và ký xác nhận niêm phong của Nguyễn Ngọc V; Bản chính giấy chứng minh nhân dân số 271473548 mang tên Nguyễn Đỗ Văn Q, sinh ngày: 01/11/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hưng Long, Hưng Thịnh, Trảng Bom, Đồng Nai, cấp ngày 27/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai và bản chính giấy chứng minh nhân dân số 321557141 mang tên Lê T, sinh ngày: 28/12/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 22/69 Long Thới, Chợ Lách, Bến Tre, cấp ngày 10/02/2012, nơi cấp: Công an Bến Tre.

(Vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 07/5/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; có quyền

kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Ngọc V được rõ).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trúc